TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị Kim H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường D, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Danh D, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người phiên dịch:* Chị Danh Chanh T – Nhân viên Đài truyền thanh huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Danh Thị Kim H trình bày:

Chị Danh Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 12 tháng 3 năm 2008, chị H và anh Danh D tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 29 tháng 9 năm 2008. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại Đường D, Khóm H, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 05 tháng 5 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị và anh D không còn chung với nhau đến nay. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Danh D trình bày:

Anh D không có yêu cầu phản tố (yêu cầu chia tài sản chung) đối với chị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì anh D có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất với chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh D không đồng ý, theo anh D thời gian chung sống thì anh và chị H không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, hiện tại thì anh còn tình cảm với chị H, mong muốn được hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh D thống nhất với chị H là không có, không yêu cầu giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H không đồng ý hàn gắn với anh D. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung thì chị H, anh D thống nhất là không có, không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Tại Biên bản xác minh về mâu thuẫn gia đình ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Tòa án:

Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị H, anh D không trình báo, cũng không yêu cầu hòa giải nên địa phương không biết được nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Danh Thị Kim H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Danh D. Anh D đăng ký thường trú tại ấp X, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về việc Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Huỳnh Mộng Kiều. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 146/2008, ngày 29 tháng 9 năm 2008. Tại thời điểm kết hôn thì chị H và anh D đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh D được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Tại Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:*"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Theo các quy định trên thì chị H, anh D phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Thế nhưng sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ ngày 05 tháng 5 năm 2009 cho đến nay. Trong thời gian không chung sống thì vợ chồng không yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Điều đó cho thấy chị H và anh D đã vi

phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D thống nhất là không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Như vậy, phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 36/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Thị Kim H được ly hôn với anh Danh D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Danh Thị Kim H và anh Danh D thống nhất là không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị Danh Thị Kim H phải chịu số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0005133, ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải – Nguyễn Văn Hùng **Cao Thành Đạt**